

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01-3-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyễn;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thuý N, sinh năm 1993; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:**

Anh Trần Văn N và chị Trần Thị Thuý N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gio An, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ngày 13/7/2015. Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng 04 năm trở lại đây, từ khi chị N đi xuất khẩu lao động, do khoảng cách về mặt địa lý nên hai vợ chồng tình cảm dần phai nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Trần Văn N được ly hôn chị Trần Thị Thuý N.

- Về con chung: Anh N và chị N có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 04/8/2017. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Công văn số 67/PA08-Đ1 ngày 14/01/2023, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận:** Chị Trần Thị Thuý N đã xuất cảnh ngày 19/01/2019 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho chị Trần Thị Thuý N thông qua bố đẻ của chị N là ông Trần M; địa chỉ: Thôn Đồng Tâm 1, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

*** Tại biên bản xác minh ngày 02/02/2023, ông Trần M (bố đẻ chị Trần Thị Thuý N) trình bày:**

Hiện chị Trần Thị Thuý N đang đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản và thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và ứng dụng mạng xã hội Messenger, nhưng địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài thì Ông M không biết. Quá trình giải quyết vụ án, Ông M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị N biết việc Anh N có đơn xin ly hôn, đang được TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết. Chị N có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn Anh N.

Về con chung: Chị N và Anh N có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 04/8/2017. Hai cháu hiện đang ở với ông bà nội. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con.

*** Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 07/02/2023, cháu Trần Quỳnh N trình bày:** Hiện cháu đang sống cùng bố và ông bà nội tại xã Gio An, huyện Gio Linh và học tại Trường tiểu học Gio An, nhận được sự chăm sóc rất tốt từ bố và ông bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố và ông bà nội.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều

227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

+ Về tình cảm: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Trần Thị Thuỳ N.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 04/8/2017 cho anh Trần Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Trần Thị Thuỳ N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Trần Văn N khởi kiện xin được ly hôn chị Trần Thị Thuỳ N. Theo Công văn số 67/PA08-Đ1 ngày 14/01/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Chị Trần Thị Thuỳ N đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 19/01/2019, đến nay vẫn chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án này có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Anh N và người thân của chị N không cung cấp được địa chỉ nơi chị N đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, chị N vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội. Chị N đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án Anh N khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến cho chị N thông qua ông Trần M là bố đẻ của chị N. Ông M đã nhận và cam đoan thông báo lại cho chị N nhưng chị N không đến Tòa án để giải quyết việc Anh N có yêu cầu xin ly hôn. Do đó Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Thuý N được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn N và chị Trần Thị Thuý N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gio An, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ngày 13/7/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh Trần Văn N xin được ly hôn chị Trần Thị Thuý N, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, Anh N và chị N chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó do khoảng cách về mặt địa lý nên hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo cho chị N biết để sắp xếp công việc, tham gia tố tụng. Tòa án triệu tập chị N đến Tòa để hòa giải việc Anh N xin ly hôn nhưng chị N không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ chị N không có ý thức mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Thông qua bố mẹ của mình, chị N cũng đồng ý ly hôn với Anh N. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Anh N và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Trần Văn N được ly hôn chị Trần Thị Thuý N theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Anh N và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 04/8/2017. Hiện nay cháu Như đã trên 07 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 07/02/2023, cháu Như trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn.

HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là của bố mẹ. Hiện nay chị Trần Thị Thuý N đang ở nước ngoài, hiện không rõ địa chỉ, còn anh Trần Văn N đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên cần giao cháu Như và cháu Nhật cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh N không yêu cầu.

Sau này khi chị N về nước, nếu có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì có quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn chị Trần Thị Thuý N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2016 và cháu Trần Văn Nh, sinh ngày 04/8/2017 cho anh Trần Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thuý N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số CC/2021/0000220 ngày 30/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Gio An, huyện Gio Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thảo Nguyễn Phan Thị Gái

Trần Việt Trung